TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 5 – 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 62/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Cẩm T**.

Địa chỉ: Ấp B, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh G**.

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 02 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Cẩm T trình bày:

Ngày 21-11-2006 bà Nguyễn Cẩm T đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Thanh G tại Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Quới và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01. Sau đó, bà T và ông G làm lễ cưới và sống chung tại nhà ông G tại ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. Từ lúc sống chung, ông G thường xuyên nhậu nhẹt, ít quan

tâm đến vợ con, còn bạo hành, đánh đập và bài bạc. Vào năm 2023, ông G có người phụ nữ khác, từ đó đời sống vợ chồng đổ vỡ; ông bà không còn chung sống với nhau từ tháng 02-2024.

Ông, bà có một con chung tên Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 20-12-2007, đang sống chung với bà T; bà T đồng ý nuôi con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Ông Nguyễn Thanh G đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng ông G đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm T.

3. Ý kiến của con chung: Trong biên bản ngày 03-4-2024, Tòa án ghi ý kiến của cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 20-12-2007 thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Nguyễn Cẩm T.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và con chung; đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã Q, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn là bà T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn ông G đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện

vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp, thì bà T với ông G đã đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền này vào ngày 21-11-2006. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông G, Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng ông G đều vắng mặt, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông G không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Bà T với ông G có một con chung tên Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 20-12-2007, đang sống chung với bà T. Nay bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Xét thấy, ông G không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà T; nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L sau này, đồng thời cũng nhằm ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của con chung, nên cần giao cháu L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

Về quyền, nghĩa vụ của ông G đối với con chung: Ông G không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà T; ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và ông G không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T cho rằng bà và ông G không có; các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 và 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị Tố Trinh.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm T được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thanh G.

1.2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 20 tháng 12 năm 2007 cho bà Nguyễn Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Ông Nguyễn Thanh G có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Nguyễn Thị Bích L được sống chung với bà Nguyễn Cẩm T.

- Ông Nguyễn Thanh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Ông Nguyễn Thanh G không phải cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000297 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Uỷ ban nhân dân xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.